

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ÂU LẠC**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 32
8. Phụ lục	33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Âu Lạc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302704796, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 9 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 289.221.600.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 253.779.820.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 8) 38 200441- 38 200443

Fax : (84 - 8) 38 200440

Website : www.aulac.com.vn

Mã số thuế : 0302704796



Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ hàng hải – Kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa – Kinh doanh vận tải biển (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Mua bán các mặt hàng trang trí nội thất, công nghệ phẩm, kim khí điện máy, nông lâm sản, lương thực thực phẩm, máy móc phục vụ các ngành công – nông – lâm – ngư nghiệp, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), xăng dầu (chỉ hoạt động khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật), nhớt;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2012.NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013 như sau:

- | | |
|---|--------------------|
| - Thưởng đạt kế hoạch cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc | 1.740.000.000 VND |
| - Chia cổ tức bổ sung năm 2012 (900 VND/cổ phiếu) | 22.808.683.800 VND |

Đồng thời tạm chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013 số tiền 581.140.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Thảo	Chủ tịch	30 tháng 6 năm 2010
Ông Trần Lê Khánh	Phó Chủ tịch	30 tháng 6 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Đức Trưởng	Trưởng ban	22 tháng 4 năm 2011
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011
Ông Phan Vĩnh Kha	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011
Bà Bùi Thị Thu Thảo	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc	08 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc hàng hải	09 tháng 6 năm 2012
Ông Hồ Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc tài chính	08 tháng 02 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

00449815
CÔNG TY
H NHIỆM HỮU
TOÁN VÀ TƯ
A & C
H.T.P.HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013





Số: 0671/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần Âu Lạc gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 18 tháng 7 năm 2013, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Bùi Thị Ngọc Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1491-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.763.416.031	122.793.450.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.912.295.881	42.225.452.748
1. Tiền	111		24.412.295.881	16.125.452.748
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.500.000.000	26.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.642.471.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.642.471.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		20.967.022.112	37.370.514.567
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	18.530.446.691	36.067.005.763
2. Trả trước cho người bán	132		1.834.480.175	276.477.334
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.3	4.723.644.703	4.092.364.805
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.4	(4.121.549.457)	(3.065.333.335)
IV. Hàng tồn kho	140		40.211.842.102	39.194.023.010
1. Hàng tồn kho	141	V.5	40.211.842.102	39.194.023.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.672.255.936	2.360.989.285
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	2.027.869.203	2.230.882.285
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.991.144.606	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.653.242.127	130.107.000

D.N.T
 TRÁ
 KIỂM
 TÀN BÌ

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		771.257.587.307	787.060.605.856
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		734.686.366.338	765.097.586.342
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	730.165.982.813	765.097.586.342
<i>Nguyên giá</i>	222		1.080.948.746.411	1.080.367.548.761
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(350.782.763.598)	(315.269.962.419)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.7	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		83.435.669	83.435.669
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(83.435.669)	(83.435.669)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	4.520.383.525	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.276.448.701	7.724.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	4.000.000.000	500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	10.874.000.000	10.874.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.12	(4.597.551.299)	(3.650.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		26.294.772.268	14.239.019.514
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	21.694.772.268	9.641.019.514
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	4.600.000.000	4.598.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		885.021.003.338	909.854.056.666

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		302.378.094.912	328.246.952.388
I. Nợ ngắn hạn	310		66.261.574.537	95.760.416.361
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	25.052.554.416	49.279.874.473
2. Phải trả người bán	312	V.16	27.042.525.518	33.963.784.457
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	2.123.706.192	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	5.810.565.779	5.783.760.455
5. Phải trả người lao động	315	V.19	2.323.550.814	140.000.000
6. Chi phí phải trả	316		534.000.000	638.847.091
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	3.250.125.001	2.911.603.068
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	124.546.817	3.042.546.817
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		236.116.520.375	232.486.536.027
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	236.116.520.375	232.486.536.027
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		582.642.908.426	581.607.104.278
I. Vốn chủ sở hữu	410		582.642.908.426	581.607.104.278
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	253.779.820.000	253.779.820.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	254.725.820.000	254.725.820.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(977.500.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.23	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	15.415.022.391	15.415.022.391
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	22.940.971.857	22.940.971.857
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	36.758.774.178	34.745.470.030
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		885.021.003.338	909.854.056.666

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		880.587,64	450.649,63
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2013

Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	268.781.286.572	249.654.175.768
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	268.781.286.572	249.654.175.768
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	203.722.420.259	207.639.227.341
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.058.866.313	42.014.948.427
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.518.685.554	1.159.173.688
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.615.980.117	4.491.272.581
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.428.956.091	4.130.728.720
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.273.353.096	3.642.220.209
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.323.876.598	7.763.382.740
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.364.342.056	27.277.246.585
11. Thu nhập khác	31		653.647.066	42.461.635
12. Chi phí khác	32		714.723.194	1.292.700
13. Lợi nhuận khác	40		(61.076.128)	41.168.935
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.303.265.928	27.318.415.520
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	9.160.137.980	6.454.957.013
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.143.127.948</u>	<u>20.863.458.507</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>1.071</u>	<u>822</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2013
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ÂU LẠC
QUẬN 3 - TP. HỒ CHI MINH

Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởngMai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		36.303.265.928	27.318.415.520
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8	35.865.482.310	27.911.880.109
- Các khoản dự phòng	03	V.4, V.12	2.003.767.421	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	4.015.134.782	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.043.237.982)	(799.519.988)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.428.956.091	4.130.728.720
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		85.573.368.550	58.561.504.361
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.072.996.600	14.566.144.541
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.017.819.092)	(3.504.958.916)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.340.739.676)	(447.786.716)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(16.289.625.687)	5.400.851.744
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(8.428.956.091)	(4.130.728.720)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(8.711.164.507)	(6.154.660.121)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.642.471.200	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.481.140.000)	(3.492.334.326)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		55.019.391.297	60.798.031.847
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(1.015.376.291)	(572.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.10	(3.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1.043.237.982	799.519.988
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(3.472.138.309)	227.519.988

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.23	(977.500.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	29.969.926.075	39.308.112.135
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(54.582.396.566)	(51.939.065.283)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(23.270.439.364)	(51.147.014.450)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(48.860.409.855)</i>	<i>(63.777.967.598)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>2.686.843.133</i>	<i>(2.752.415.763)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>42.225.452.748</i>	<i>34.300.196.757</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>44.912.295.881</i>	<i>31.547.780.994</i>

Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ hàng hải; Kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa; Kinh doanh vận tải biển.
4. **Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 236 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 243 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí phát sinh cho việc trung tu và đại tu tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Khi phát sinh chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động, Công ty hạch toán khoản chi này vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

1.030
C
TRẠC
KIỂM
VNBN

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Cỗ tức

Cỗ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.815 VND/USD

16.905 VND/SGD

30/6/2013 : 21.140 VND/USD

16.603 VND/SGD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

BT
TH
VÀ
X
DN

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: các khoản vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	456.829.018	1.176.889.932
Tiền gửi ngân hàng	23.955.466.863	14.948.562.816
Các khoản tương đương tiền (*)	20.500.000.000	26.100.000.000
Cộng	44.912.295.881	42.225.452.748

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	8.747.957.691	17.080.307.732
Các khách hàng nước ngoài	9.782.489.000	18.986.698.031
Cộng	18.530.446.691	36.067.005.763

3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu Công ty cổ phần Khang Phong – Tạm ứng tiền góp vốn theo biên bản thỏa thuận	3.065.333.335	3.065.333.335
Phải thu thuyền viên các tàu tiền bồi thường hao hụt	866.334.739	218.947.643
Phải thu phí đại lý từ chủ hàng	330.045.360	550.310.827
Các khoản khác	461.931.269	257.773.000
Cộng	4.723.644.703	4.092.364.805

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.065.333.335
Trích lập dự phòng bổ sung	1.056.216.122
Số cuối kỳ	4.121.549.457

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	24.913.442.875	20.813.951.032
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	15.298.399.227	18.380.071.978
Cộng	40.211.842.102	39.194.023.010

(*) Toàn bộ nhiên liệu nhập vào cho các tàu được hạch toán hết vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi kết thúc chuyến và ghi nhận doanh thu, Công ty sẽ tiến hành kiểm tra số lượng sử dụng thực tế để kết chuyển vào giá vốn. Do đó đến thời điểm cuối kỳ, vẫn còn một phần nhiên liệu tồn trên tàu, chưa sử dụng.

Hàng

M.S.D.N.
TRÄ
KIỀU
Q.TẤN B

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.967.869.203	1.625.734.464
Chi phí khác	60.000.000	605.147.821
Cộng	2.027.869.203	2.230.882.285

7. Tài sản ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	1.413.242.127	130.107.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	240.000.000	-
Cộng	1.653.242.127	130.107.000

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	12.399.011.818	1.066.620.590.197	1.347.946.746	1.080.367.548.761
Mua sắm mới	-	963.558.109	51.818.182	1.015.376.291
Chuyển công cụ, dụng cụ	-	-	(434.178.641)	(434.178.641)
Số cuối kỳ	12.399.011.818	1.067.584.148.306	965.586.287	1.080.948.746.411

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	562.449.545	564.942.670	1.127.392.215
--	---	-------------	-------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	2.810.440.000	311.231.356.316	1.228.166.103	315.269.962.419
Khấu hao trong kỳ	247.980.000	35.570.405.516	47.096.794	35.865.482.310
Chuyển công cụ, dụng cụ	-	-	(352.681.131)	(352.681.131)
Số cuối kỳ	3.058.420.000	346.801.761.832	922.581.766	350.782.763.598

Giá trị còn lại

Số đầu năm	9.588.571.818	755.389.233.881	119.780.643	765.097.586.342
Số cuối kỳ	9.340.591.818	720.782.386.474	43.004.521	730.165.982.813

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 740.915.289.095 VND và 580.528.426.288 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình sửa chữa tàu Âu Lạc Dragon.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Âu Lạc Logistic ⁽ⁱ⁾	350.000	3.500.000.000	-	-
Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Hào Quang ⁽ⁱⁱ⁾		500.000.000		500.000.000
Cộng		4.000.000.000		500.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312218153 ngày 03 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Âu Lạc Logistic 3.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311976651 ngày 21 tháng 09 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên hàng hải Hào Quang 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đầu tư vào Công ty này 500.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 9.500.000.000 VND. Công ty đang tiến hành thủ tục giải thể công ty này.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty chứng khoán Phú Hưng	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần vật tư xăng dầu Petec	30.000	309.000.000	30.000	309.000.000
Công ty cổ phần cà phê Petec	73.000	745.000.000	73.000	745.000.000
Công ty cổ phần kho vận Petec	270.000	2.700.000.000	270.000	2.700.000.000
Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư	100.000	2.120.000.000	100.000	2.120.000.000
Cộng		10.874.000.000		10.874.000.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	3.650.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	947.551.299
Số cuối kỳ	4.597.551.299

13. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	9.641.019.514
Chi phí phát sinh trong kỳ	18.637.533.997
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(6.583.781.243)
Số cuối kỳ	21.694.772.268

14. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng Ngân hàng	-	1.613.162.500
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22)	25.052.554.416	47.666.711.973
Cộng	25.052.554.416	49.279.874.473

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.613.162.500	29.969.926.075	(31.583.088.575)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	47.666.711.973	-	(22.999.307.991)	385.150.434
Cộng	49.279.874.473	29.969.926.075	(54.582.396.566)	385.150.434
				25.052.554.416

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	18.331.939.216	19.071.224.833
Các nhà cung cấp nước ngoài	8.710.586.302	14.892.559.624
Cộng	27.042.525.518	33.963.784.457

17. Người mua trả tiền trước

Khoản nhận trước cước vận chuyển của khách hàng nước ngoài.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	476.740.852	13.269.174	(490.010.026) -
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.204.757.412	(24.204.757.412) -
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.845.501.588	9.160.137.980	(8.711.164.507) 5.294.475.061
Thuế thu nhập cá nhân	461.518.015	2.205.858.021	(2.151.285.318) 516.090.718
Các loại thuế khác	-	503.000.000	(503.000.000) -
Cộng	5.783.760.455	36.087.022.587	(36.060.217.263) 5.810.565.779

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Vận tải quốc tế: 0 %
- Vận tải nội địa: 10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.303.265.928	27.318.415.520
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	688.285.994	134.569.200
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(351.000.000)</u>	<u>(109.500.000)</u>
Thu nhập chịu thuế	36.640.551.922	27.343.484.720
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế theo thuế suất 12,5%	-	5.330.702.733
- Thu nhập chịu thuế theo thuế suất 25%	36.640.551.922	22.012.781.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.160.137.980	6.169.533.338
Điều chỉnh thuế các năm trước	-	285.423.675
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	9.160.137.980	6.454.957.013

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 phải trả cho nhân viên.

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn
Cỗ tức, lợi nhuận phải trả
Phí hoa hồng đại lý
Các khoản phải trả, phải nộp khác
Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	338.791.029	97.841.563
	1.557.088.686	2.018.844.250
	1.207.455.544	503.426.803
	146.789.742	291.490.452
	3.250.125.001	2.911.603.068

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	3.042.546.817
Chi quỹ trong kỳ	<u>(2.918.000.000)</u>
Số cuối kỳ	124.546.817

22. Vay và nợ dài hạn

Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Sở giao dịch 1, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾
Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	57.805.216.000	56.916.536.000
	178.311.304.375	175.570.000.027
	236.116.520.375	232.486.536.027

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1, TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua tàu với lãi suất ngân hàng công bố điều chỉnh 3 tháng, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 09 tháng 3 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Âu Lạc Jupiter (xem thuyết minh V.8).



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn để thanh toán tiền mua tàu với lãi suất bằng trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của 5 tổ chức tín dụng được chọn + 4%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Âu Lạc Venus và Âu Lạc Diamond (xem thuyết minh V.8).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	25.052.554.416
Trên 01 năm đến 05 năm	200.454.259.542
Trên 05 năm	35.662.260.833
Tổng nợ	261.169.074.791

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

Số đầu năm	232.486.536.027
Chênh lệch tỷ giá	3.629.984.348
Số cuối kỳ	236.116.520.375

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 33.

Tình hình góp vốn điều lệ đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	289.221.600.000
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	253.779.820.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:	
Trả cổ tức các năm trước	23.270.439.364
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	23.270.439.364

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.922.160	28.922.160
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.377.982	25.377.982
- Cổ phiếu phổ thông	25.377.982	25.377.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	105.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	105.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.272.982	25.377.982
- Cổ phiếu phổ thông	25.272.982	25.377.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ vận tải biển
Doanh thu cho thuê
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải biển	268.672.195.662	243.080.299.893
Doanh thu cho thuê	109.090.910	6.573.875.875
Cộng	268.781.286.572	249.654.175.768

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải biển
Giá vốn cho thuê
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải biển	203.602.420.259	201.462.972.169
Giá vốn cho thuê	120.000.000	6.176.255.172
Cộng	203.722.420.259	207.639.227.341

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi có kỳ hạn
Lãi tiền gửi không kỳ hạn
Cổ tức, lợi nhuận được chia
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Lãi bán chứng khoán
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	692.237.982	639.004.790
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	67.864.286	51.015.198
Cổ tức, lợi nhuận được chia	351.000.000	109.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	169.114.486	359.653.700
Lãi bán chứng khoán	238.468.800	-
Cộng	1.518.685.554	1.159.173.688

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.428.956.091	4.130.728.720
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.015.134.782	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	224.337.945	360.543.861
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	947.551.299	-
Cộng	13.615.980.117	4.491.272.581

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới.

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.575.406.495	4.161.028.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	424.376.506	352.636.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.448.165.786	3.249.718.594
Chi phí khác	2.875.927.811	-
Cộng	11.323.876.598	7.763.382.740

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước

27.143.127.948 20.863.458.507

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:

- - - - -

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

27.143.127.948 20.863.458.507

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

25.342.510 25.377.982

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

1.071 **822**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước

25.377.982 25.377.982

(35.472) -

25.342.510 **25.377.982**

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước

92.714.751.782 103.815.114.261

Chi phí nhân công

18.899.762.967 17.235.078.934

Chi phí khấu hao tài sản cố định

35.865.482.310 27.911.880.109

Chi phí dịch vụ mua ngoài

64.690.371.987 66.440.536.777

Chi phí khác

8.149.280.907 3.642.220.209

Cộng

220.319.649.953 **219.044.830.290**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước

1.369.529.402 812.264.701

Tiền lương

559.000.000 -

Tiền thưởng

1.928.529.402 **812.264.701**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Bên liên quan	Mối quan hệ
---------------	-------------

Công ty cổ phần Âu Lạc Logistics

Công ty con

Công ty TNHH một thành viên hàng hải Hào Quang

Công ty con

Công ty cổ phần phát triển Phú Minh

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty chỉ phát sinh doanh thu cho thuê nhà với Công ty cổ phần Âu Lạc Logistics số tiền 120.000.000 VND.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cổ phần Âu Lạc Logistics</i> Phải thu tiền cho thuê nhà	120.000.000	-
<i>Công ty TNHH một thành viên hàng hải Hào Quang</i> Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	-	274.610.452

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hàng hải và vận tải nhiên liệu; dịch vụ cho thuê chiếm tỷ trọng rất nhỏ (xem thuyết minh VI.1). Do đó, các thông tin tài chính trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tình hình doanh thu, chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là khách hàng lâu năm và có mối quan hệ tốt. Chính sách tín dụng của Công ty tối đa là 30 ngày. Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.912.295.881	-	-	-	44.912.295.881
Phải thu khách hàng	17.381.733.080	-	-	1.148.713.611	18.530.446.691
Các khoản phải thu khác	6.498.311.368	-	-	3.065.333.335	9.563.644.703
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.445.000.000	7.429.000.000	-	-	10.874.000.000
Cộng	72.237.340.329	7.429.000.000	-	4.214.046.946	83.880.387.275
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.225.452.748	-	-	-	42.225.452.748
Phải thu khách hàng	32.276.401.583	-	3.790.604.180	-	36.067.005.763
Các khoản phải thu khác	5.625.031.470	-	-	3.065.333.335	8.690.364.805
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.516.471.200	5.000.000.000	-	-	12.516.471.200
Cộng	87.643.357.001	5.000.000.000	3.790.604.180	3.065.333.335	99.499.294.516

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài
chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu
về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản
vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh
hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán
theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	27.042.525.518	-	-	27.042.525.518
Vay và nợ	25.052.554.416	200.454.259.542	35.662.260.833	261.169.074.791
Các khoản phải trả khác	3.445.333.972	-	-	3.445.333.972
Cộng	55.540.413.906	200.454.259.542	35.662.260.833	291.656.934.281
Số đầu năm				
Phải trả người bán	33.963.784.457	-	-	33.963.784.457
Vay và nợ	49.279.874.473	197.372.536.063	35.113.999.964	281.766.410.500
Các khoản phải trả khác	3.550.450.159	-	-	3.550.450.159
Cộng	86.794.109.089	197.372.536.063	35.113.999.964	319.280.645.116



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho kinh doanh hàng hải với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	SGD	USD	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	880.587,64	-	450.649,63	-
Phải thu khách hàng	469.679,50	-	912.164,21	-
Vay và nợ	(12.354.260,26)	-	(13.536.700,00)	-
Phải trả người bán	(249.931,88)	(212.137,15)	(611.377,92)	(116.610,67)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(11.253.925,00)	(212.137,15)	(12.785.264,08)	(116.610,67)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.568.619.618 VND (năm trước giảm/tăng 4.842.888.180 VND) do ảnh hưởng của lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và SGD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.500.000.000		26.100.000.000	
Vay và nợ		(12.354.260,26)		(13.536.700,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>20.500.000.000</u>	<u>(12.354.260,26)</u>	<u>26.100.000.000</u>	<u>(13.536.700,00)</u>

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch vận chuyển và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.912.295.881	-	42.225.452.748	-	44.912.295.881	42.225.452.748
Phải thu khách hàng	18.530.446.691	(1.056.216.122)	36.067.005.763	-	17.474.230.569	36.067.005.763
Các khoản phải thu khác	9.563.644.703	(3.065.333.335)	8.690.364.805	(3.065.333.335)	6.498.311.368	5.625.031.470
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.874.000.000	(4.597.551.299)	12.516.471.200	(3.650.000.000)	6.276.448.701	8.866.471.200
Cộng	<u>83.880.387.275</u>	<u>(8.719.100.756)</u>	<u>99.499.294.516</u>	<u>(6.715.333.335)</u>	<u>75.161.286.519</u>	<u>92.783.961.181</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	261.169.074.791	281.766.410.500	25.052.554.416	49.279.874.473
Phải trả người bán	27.042.525.518	33.963.784.457	27.042.525.518	33.963.784.457
Các khoản phải trả khác	3.445.333.972	3.550.450.159	3.445.333.972	3.550.450.159
Cộng	291.656.934.281	319.280.645.116	55.540.413.906	86.794.109.089

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là vốn đầu tư của Công ty vào các tổ chức kinh tế trừ đi dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2013

Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng

Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Bảng đối chiêu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quí	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
Số dư đầu năm nay	253.779.820.000	254.725.820.000	-	314.828.404	12.628.400.428	21.268.998.679	44.395.878.034	587.113.745.545
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu năm	-	-	-	(314.828.404)	-	-	-	(314.828.404)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	64.824.412.884	64.824.412.884
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	2.786.621.963	1.671.973.178	(8.359.865.888)	(3.901.270.747)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(63.444.955.000)	(63.444.955.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(2.670.000.000)	(2.670.000.000)
Số dư cuối năm trước	253.779.820.000	254.725.820.000	-	-	15.415.022.391	22.940.971.857	34.745.470.030	581.607.104.278
Số dư đầu năm nay	253.779.820.000	254.725.820.000	-	-	15.415.022.391	22.940.971.857	34.745.470.030	581.607.104.278
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	27.143.127.948	27.143.127.948
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(977.500.000)	-	-	-	-	(977.500.000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(22.808.683.800)	(22.808.683.800)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(2.321.140.000)	(2.321.140.000)
Số dư cuối kỳ này	253.779.820.000	254.725.820.000	(977.500.000)	-	15.415.022.391	22.940.971.857	36.758.774.178	582.642.908.426

Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

